

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-PT

Ngày 14 - 5 - 2019

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu bồi thường thiệt hại do
tài sản bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Duy Giá

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái

Ông Phạm Quang Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Bùi Thị Kim Tuyến -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Hoàng Dương X, sinh năm 1958

- Bà Đặng Thị T, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (đều có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Văn N - Luật sư Công ty Luật TNHH Z - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

2. Bị đơn:

- Anh Vũ Hồng D, sinh năm 1979

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1982

- Bà Vũ Thị O, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (đều có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế G - Chủ tịch UBND xã

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Khương Văn I - Công chức địa chính xã Y (có mặt)

- Anh Hoàng Dương Đ, sinh năm 1982

- Anh Hoàng Dương F, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (đều vắng mặt)

- Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn W, xã C, huyện A, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

- Anh Hoàng Dương U, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn M, xã R, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ, anh F, chị P, anh U là ông Hoàng Dương X, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, Vĩnh Phúc (có mặt)

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Công J, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (đều vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, anh J là bà Vũ Thị O, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

- Chị Nguyễn Thị Phương E, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền của chị E là anh Vũ Hồng D, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

- Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1981 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1964 (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Như N1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn G1, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền của anh Q, anh B, bà T1, ông D1, chị N1, anh G1 là Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, Vĩnh Phúc (có mặt)

4. Người làm chứng: Ông Đinh Quang L1, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện L, Vĩnh Phúc (vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Ông Hoàng Dương X, bà Đặng Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ, anh F, chị P, anh U là ông Hoàng Dương X, trình bày:

Nguồn gốc thửa đất của vợ chồng ông ở khu vực Cửa Miếu thuộc Thôn H, xã Y, huyện L, Vĩnh Phúc là do vợ chồng ông khai hoang từ năm 1981. Vợ chồng ông đã làm nhà ở cho đến nay. Thửa đất có phía Đông giáp với thửa đất của gia đình ông Đinh Quang L1, phía Nam giáp với đường liên xã dài 40m, phía Tây giáp thửa đất của gia đình ông Đỗ Văn B1, phía Bắc giáp với cánh đồng và thửa đất của anh Vũ Hồng D. Năm 1998 ông được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 196, tờ bản đồ 12, diện tích là 1080m² mang tên là Đinh Văn X1, sau đó ông đề nghị cán bộ địa chính đổi lại. Năm 2009 Nhà nước làm đường liên xã có thu hồi của gia đình ông 56m² đất để làm đường, chiều mặt đường có chiều dài 40m. Sau đó ông được UBND huyện L cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 1024m² mang tên ông là Hoàng Dương X. Phía Đông thửa đất của gia đình ông có để lại một phần để làm lối đi rộng 3,5m, dài khoảng 21m và ông có đào giếng giáp với thửa đất của gia đình ông L1. Lối đi đó có em gái ông và một số hộ đi nhờ lên đồi trồng trọt. Năm 2016, ông có đào lại phần đất lối đi thì chị anh Vũ Hồng D đã tháo dỡ cây bờ rào. Năm 2017 ông xây tường gạch xi thì chị Nguyễn Thị S và bà Vũ Thị O đã đến du đổ tường. Sau đó ông đã gửi đơn đến UBND xã đề nghị giải quyết; UBND xã và phòng Tài nguyên và môi trường huyện L đã hòa giải nhưng các bên không thống nhất được với nhau. Nay ông khởi kiện, yêu cầu anh D, chị S và bà O trả lại diện tích 70m² đất cho ông. Ông yêu cầu chị S và bà O phải bồi thường thiệt hại phần tường đã bị du đổ trị giá là 450.000đ.

Đồng nguyên đơn là bà Đặng Thị T trình bày: Bà đồng ý như trình bày của ông X1, bà đồng ý với quan điểm và đề nghị của ông X1, yêu cầu anh D, chị S và bà O trả lại diện tích 70m² đất cho gia đình bà và yêu cầu chị S và bà O phải bồi thường thiệt hại phần tường đã bị du đổ trị giá là 450.000đồng.

Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Phương E là anh Vũ Hồng D trình bày:

Nguồn gốc thửa đất đồi của gia đình anh là do cha ông để lại cho bố mẹ anh sau đó bố mẹ anh đã cho anh. Năm 2006 anh được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh. Thửa đất có phía Đông giáp với đất đồi nhà anh Hà Công Y1, phía Bắc giáp với thửa đất nhà anh Kim Văn U1, phía Tây giáp với đường liên thôn, phía Nam giáp với nhà ông X1 bà T. Giáp thửa đất của gia đình ông X1 và gia đình ông L1 có 01 lối đi để lên thửa đất của gia đình

anh, chị S và bà O, từ trước đến nay các gia đình vẫn đi qua lối đi này để lên đồi canh tác và lên bãi tha ma. Năm 2016, gia đình ông X1 có đào lối đi đó làm cho gia đình anh, gia đình chị Nguyễn Thị S và gia đình bà Vũ Thị O không có lối đi. Vì vậy anh đã dỡ bờ rào để lấy lối. Anh xác định lối đi đó thuộc đất của Nhà nước và là lối đi chung của các gia đình. Nay ông X1 bà T khởi kiện yêu cầu anh trả lại phần đất lối đi đó, anh không nhất trí.

Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của anh Q, anh B, bà T1, ông D1, chị N1, anh G1 là chị Nguyễn Thị S trình bày:

Gia đình chị đang canh tác thửa đất 50 năm tại Thôn H, xã Y. Nguồn gốc là do cha ông để lại giáp với thửa đất của gia đình ông X1. Đất đã được UBND huyện L cấp cho anh trai chị là anh Nguyễn Văn D1, anh D1 đã cho chị cho chị sử dụng từ lâu; đất có phía Bắc giáp với thửa đất của anh Vũ Hồng D, phía Đông và phía Nam giáp với thửa đất đồi của gia đình ông X1, phía Tây giáp với lối đi đang tranh chấp. Để đi vào thửa đất của gia đình chị chỉ có lối đi chung của các hộ giáp thửa đất gia đình ông X1 và ông L1. Thửa đất của gia đình ông X1 đang ở hiện nay, trước đây là do bố chị đổi thửa đất mà chị đang sử dụng cho vợ chồng ông X1. Năm 2016, gia đình ông X1 dùng cây đào chắn lối đi, làm cho gia đình chị, gia đình anh Vũ Hồng D và gia đình bà Vũ Thị O không có lối đi. Vì vậy chị và bà O, anh D đã dỡ bờ rào để lấy lối đi. Năm 2017 ông X1 tiếp tục xây tường chắn lối đi nên chị cùng bà O đã dỡ phần tường xây. Nay ông X1 bà T khởi kiện yêu cầu gia đình chị trả lại phần lối đi đó chị không nhất trí. Ông X1 và bà T yêu cầu chị bồi thường thiệt hại phần tường xây trị giá 450.000đ, chị không nhất trí.

Bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho ông K, anh J là bà Vũ Thị O trình bày:

Gia đình bà có thửa đất 50 năm do bố mẹ để bà để lại giáp với thửa đất của gia đình ông X1. Đất đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn K là chồng bà; đất có phía Nam giáp với cánh đồng, phía Bắc giáp với thửa đất đồi của gia đình ông X1, phía Tây giáp với lối đi đang tranh chấp, phía đông giáp với thửa đất của anh Đặng Văn H1. Gia đình bà sử dụng từ trước khi vợ chồng ông X1 đến ở và sử dụng ổn định. Năm 2016, gia đình ông X1 đào lối đi làm cho gia đình bà, gia đình anh Vũ Hồng D và gia đình chị Nguyễn Thị S không có lối đi vào thửa đất của mình. Vì vậy bà và chị S, anh D đã dỡ bờ rào bằng cây đó đi để lấy đường đi. Bà xác định lối đi đó thuộc đất của Nhà nước làm lối đi chung. Năm 2017 ông X1 tiếp tục xây tường gạch và bà cùng chị S đã tháo dỡ phần tường đó. Nay ông X1 bà T khởi kiện yêu cầu bà trả lại phần lối đi đó

bà không nhất trí. Ông X1 và bà T yêu cầu bà bồi thường thiệt hại phần tường gạch, bà không nhất trí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Y trình bày: Về hiện trạng sử dụng đất của hộ ông Hoàng Dương X có tăng thêm 3.616m² so với diện tích ghi trong GCNQSD đất đã cấp cho ông X1, nếu hộ ông X1 có nhu cầu xin công nhận và giao đất thì UBND xã sẽ giải quyết theo quy định của Luật đất đai.

Về lối đi: Theo bản đồ 299 không thể hiện đường đi, nhưng trên thực tế con đường đã hình thành từ trước đây, năm 2009 Ủy ban nhân dân huyện đã cấp lại sổ bìa đỏ cho ông X1, phần sơ đồ đất đã được ủy ban sửa lại so với bản đồ 299 là có con đường đi lên đất của các gia đình anh D, chị S và bà O, lúc đó ông X1 không thắc mắc, đề nghị gì. Quan điểm của UBND là để lại con đường này cho các hộ sử dụng chung theo hiện trạng đang có.

Người làm chứng ông Đinh Quang L1 trình bày: Tháng 8 năm 1981 ông đến sinh sống ở Thôn H, xã Y, ông là người đầu tiên đến ở xóm, khi đến ở ông có đào giếng mà hiện nay ông X1 đang nhận là ông X1 đào, khi ông đào giếng thì cả xóm cùng góp gạch để xây giếng nên mọi người trong xóm coi là giếng chung. Giáp thửa đất của ông X1 là đường đi và thửa đất của ông được các cụ để lại, ông không ở trên thửa đất giáp đường đi mà ở tại thửa đất đối diện với đất nhà ông X1. Ông xác định đường đi đó là lối đi chung của nhân dân đã có từ lâu, không phải đất của cá nhân.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện L đã căn cứ: Điều 160, 166, 175, 176 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Dương X và bà Đặng Thị T yêu cầu anh Vũ Hồng D, chị Nguyễn Thị S, bà Vũ Thị O phải trả lại cho vợ chồng ông lối đi rộng 3,5m dài 21m và yêu cầu bà O, chị S bồi thường 450.000đồng giá trị bức tường.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí dân sự, chi phí thẩm định, định giá tài sản, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13/11/2018 ông Hoàng Dương X và bà Đặng Thị T có đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Sau khi phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Dương X, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Dương X và bà Đặng Thị T là hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

Tại phiên Tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện bà Đặng Thị T là luật sư Nguyễn Văn N vắng mặt, bà Đặng Thị T đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt luật sư Nguyễn Văn N. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án xác định thửa đất của gia đình ông Hoàng Dương X có nguồn gốc là do vợ chồng ông X1, bà T khai phá, tạo lập được, gia đình ông sử dụng ổn định, được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, đến năm 1998 hộ ông X1 đã được cấp GCNQSD đất, đến năm 2009 ông X1 đề nghị cấp đổi GCNQSD đất, diện tích đất ghi trên GCNQSD đất là $1.024m^2$. Thực tế hộ ông X1 đang sử dụng $4.696m^2$, tăng thêm $3.616m^2$ so với diện tích đất ghi trên GCNQSD đất.

Về nguồn gốc diện tích đất mà nguyên đơn kiện đòi, qua lời khai của người làm chứng là ông Đinh Quang L1 (hàng xóm) và cụ Nguyễn Văn I1 đều khẳng định cạnh tiếp giáp phía Đông của thửa đất nhà ông X1 có một ngõ đi, ngõ đi được hình thành từ năm 1976 để làm lối đi lên đồi canh tác. Năm 1981 hộ ông X1 đến sử dụng thửa đất thì trước đó phía trong ngõ đã có đất của các hộ anh D, chị S và bà O. Các hộ anh D, chị S và bà O đều đã sử dụng đất từ nhiều năm và đều sử dụng lối đi này để đi lên đồi từ trước khi hộ ông X1 đến ở đó. Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã Y là cơ quan quản lý đất đai ở địa phương cũng trình bày rằng mặc dù trên bản đồ 299 không thể hiện đường đi, nhưng trên thực tế, con đường đi đã được hình thành từ trước đây, hơn nữa ngày 27/10/2007 Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông X1, phần sơ đồ thửa đất đã thể hiện có con đường đi từ đường liên xã lên các hộ: anh D, bà O và chị S, ông X1 nhận giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất không có ý kiến thắc mắc gì.

Việc ông X1, bà T cho rằng thửa đất của gia đình ông trong bản đồ 299 có chiều dài mặt đường là 40m nhưng thực tế hiện nay đo thì không đủ 40m. Quá trình xác minh thấy rằng khoảng năm 2006 - 2007 gia đình ông X1, bà T đã xảy ra tranh chấp với gia đình anh Bình về mốc giới thửa đất ở phía Tây. Sau khi lãnh đạo thôn hòa giải thì các bên đã tự xác định mốc giới với nhau và xây tường ngăn. Tuy nhiên khi đối chiếu giữa bản đồ 299 và kết quả đo đạc thực tế thửa đất của vợ chồng ông X1, bà T thể hiện chiều phía Tây thửa đất của vợ chồng ông X1 trong

bản đồ 299 là đường thẳng vuông góc với đường liên xã; khi đo thực tế thì cạnh này của thửa đất của gia đình ông X1 là nhiều đường gấp khúc vát vào phía trong thửa đất của vợ chồng ông X1.(BL 62) nhận định này của Tòa án cấp sơ thẩm là có cơ sở, việc thừa thiếu cạnh đất này là do ông X và anh B1 đã tự thỏa thuận và ông X1 tự xây tường bao loan với đất anh B1.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất của hộ ông X1, bà T thấy rằng tại phần đất phía Đông của hộ ông X1, bà T (phần tiếp giáp với đất đang tranh chấp) gia đình ông X1 có trồng một hàng cây gồm nhãn, xoan, keo, mít, cây to nhất là cây nhãn, đường kính gốc khoảng 25cm, các cây còn lại có đường kính gốc từ 15cm đến 20cm. Tiếp theo hàng cây là lối đi bằng đất mà các bên đang tranh chấp, tiếp theo là lán và tường bao loan của gia đình ông Đình Quang L1. Khoảng cách tính từ cây xa nhất (cây nhãn) đến tường lán nhà ông L1 là 5m, khoảng cách tính từ cây gần nhất (cây nhãn) đến tường bao loan nhà ông L1 là 2,35m. Như vậy việc ông X1, bà T cho rằng phần diện tích đường đi là đất của ông bà và yêu cầu anh D, chị S, bà O trả lại diện tích 70m² đất cho ông là không có cơ sở vì nếu là đất trong diện tích đất nhà ông thì làm sao ông lại phải trồng hàng cây làm ngăn cách với lối đi trên.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại mà ông X1, bà T yêu cầu chị S, bà O bồi thường 450.000đồng bằng giá trị bức tường, do vợ chồng ông X1, bà T xây dựng công trình không đúng phần đất của gia đình ông bà, gây cản trở cho việc đi lại của các hộ trong ngõ nên yêu cầu của ông X1, bà T không được chấp nhận. Do vậy: Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông X1, bà T là có căn cứ, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của vợ chồng bà T, ông X1 không được chấp nhận, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì vợ chồng ông X1, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; ông X1 sinh năm 1958 được miễn án phí theo quy định, bà T phải chịu án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm do ông X1 nộp tại Chi cục Thi hành án huyện L. Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn thủ tục xin miễn án phí đối với ông X1 là thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm tránh lặp lại.

Rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm: Nội dung của Bản án sơ thẩm xác định lối đi mà các đương sự đang tranh chấp là lối đi chung của ba hộ anh D, bà O và chị S thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân xã Y tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử sơ

thẩm, Ủy ban nhân dân xã Y đã có quan điểm, Quyết định của Bản án sơ thẩm Ủy ban nhân dân xã Y không có ý kiến gì. Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục đưa UBND xã Y tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thực hiện quyền quản lý đất đai theo trách nhiệm của mình. UBND xã Y nhất trí theo nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có đường lối giải quyết vụ án đúng đắn, vì vậy không cần hủy Bản án sơ thẩm với lỗi tố tụng trên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 160, 166, 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Dương X. Giữ nguyên Bản án số 15/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Dương X, bà Đặng Thị T về việc yêu cầu anh Vũ Hồng D, chị Nguyễn Thị S, bà Vũ Thị O phải trả lại cho vợ chồng ông bà lối đi rộng 3,5m, dài 21m và yêu cầu bà O, chị S bồi thường 450.000đồng giá trị bức tường.

2. Về án phí: Buộc bà Đặng Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền ông X1 nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004778 ngày 18/5/2018 và 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0004908 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ông X1 và bà T phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.200.000đồng, xác nhận ông X1 và bà T đã nộp và chi phí xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện L
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Duy Giá

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thái

Phạm Quang Hùng

Lê Duy Giá

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện L
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Duy Giá

